

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-5-2019.

V/v “Ly hôn giữa bà M với ông
T”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lư Ngọc Thiên An- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Kim M, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp PH, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: khu phố M, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bà M có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Kim M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre vào ngày 30 tháng 5 năm 2013. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Nguyễn Văn T cưỡng hiếp con gái riêng của bà, ông T bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre tuyên 06 năm tù. Sau khi mãn hạn tù, ông T không lo làm ăn để phụ nuôi con mà còn kiếm chuyện, gây gổ với bà. Ông bà đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Trong quá trình chung sống, bà và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A sinh ngày 17/01/2014. Sau khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập ông Nguyễn Văn T tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Nguyễn Văn T không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông Nguyễn Văn T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không tham gia tố tụng dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần là chưa chấp hành quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Kim M, bà M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung: bà M tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn Anh, ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: bà M khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Kim M khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn T. Hiện nay, ông T cư trú tại khu phố M, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Văn T nhưng ông T vẫn vắng mặt nên không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Bà M và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã HD, huyện CT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30 tháng 5 năm 2013 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà M trình bày, thời gian đầu sau khi kết hôn bà và ông T chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông Nguyễn Văn T cưỡng hiếp con gái riêng của bà, ông T bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre tuyên 06 năm tù. Sau khi mãn hạn tù, ông T không lo làm ăn để phụ nuôi con mà còn kiếm chuyện, gây gổ với bà. Bà và ông T

sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng của bà đối với ông T không còn nên bà cương quyết xin ly hôn với ông T. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của ông T và bà M nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà M. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

[3] Về con chung: sau khi ly hôn bà M xin nuôi con chung là cháu Nguyễn Tuấn A sinh ngày 17/01/2014 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian bà M và ông T ly thân, cháu Nguyễn Tuấn A do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, có cuộc sống, sinh hoạt ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Tuấn A cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà M phải chịu, theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Kim M và ông Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn A sinh ngày 17/01/2014 cho bà Trần Kim M trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0001012 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP BT.
- UBND xã HĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương